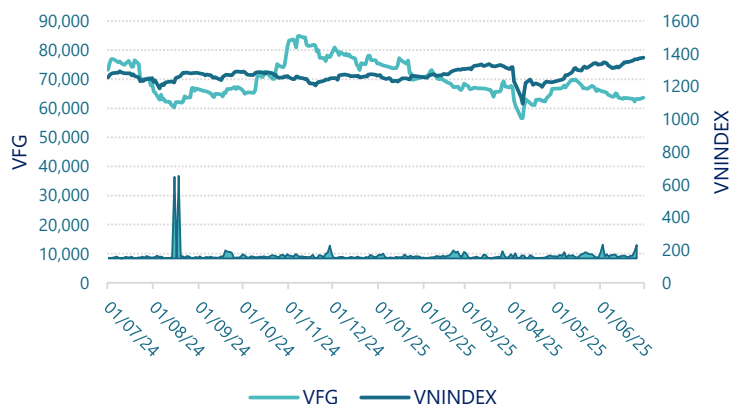


CTCP Khử trùng Việt Nam (HSX: VFG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	64,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	84,915
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	56,597
SL cổ phiếu LH	41,712,614
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,960
% sở hữu nước ngoài	1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,699
P/E	5.7
EPS	11,339

DT thuần

Q2/25

800

tỷ VNĐ

QoQ: ▼266 | -25.0%

YoY: ▼51.0 | -6.0%

LN sau thuế

Q2/25

70.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼24.9 | -26.1%

YoY: ▼11.2 | -13.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

11.2%

+/- YoY: ▼ 2.4%

DT thuần

6T 2025

1,866

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 49.0 | 2.7%

LN sau thuế

6T 2025

166

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.00 | 3.3%

ROE

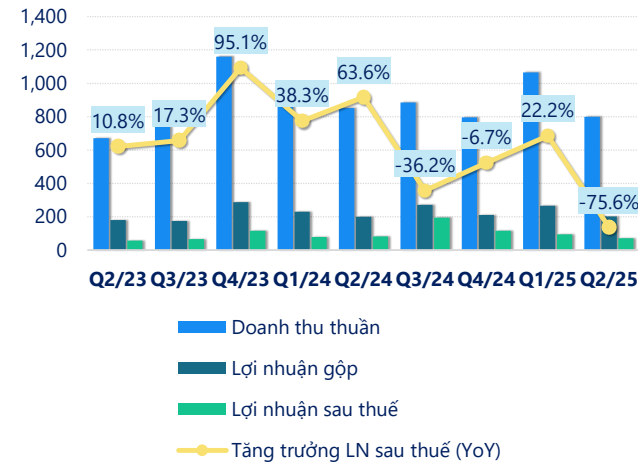
Q2/25

32.7%

+/- YoY: ▲ 4.7%

tỷ VNĐ

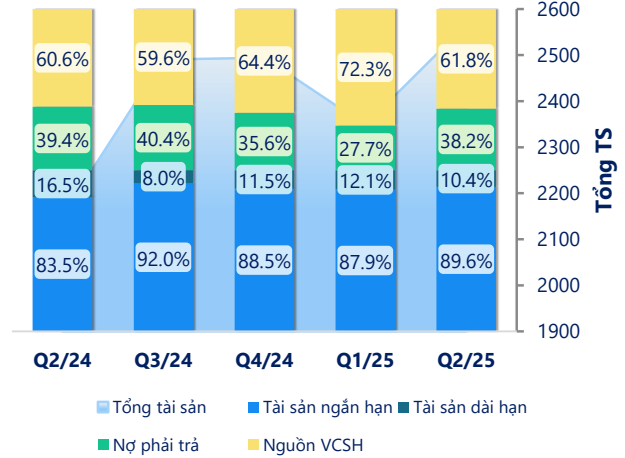
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

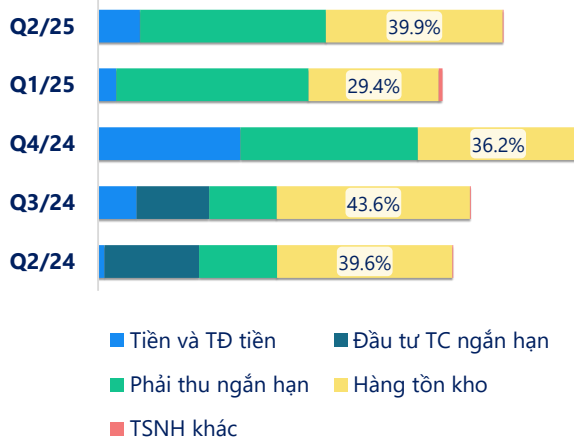
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



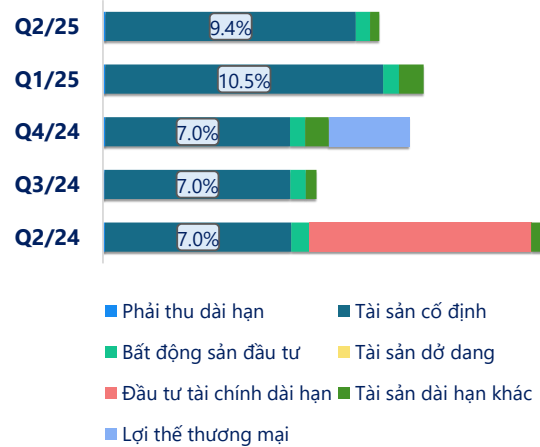
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

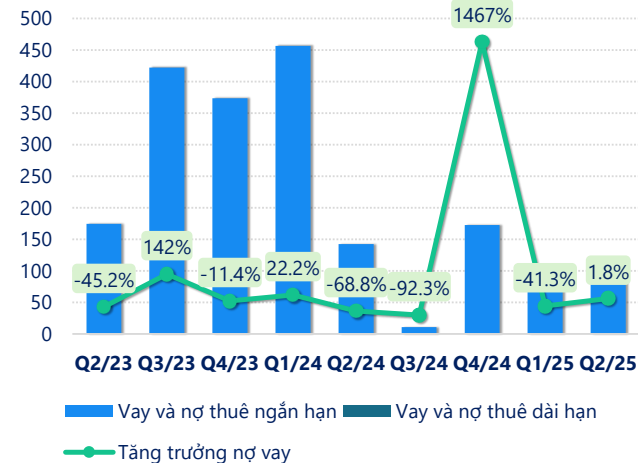
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

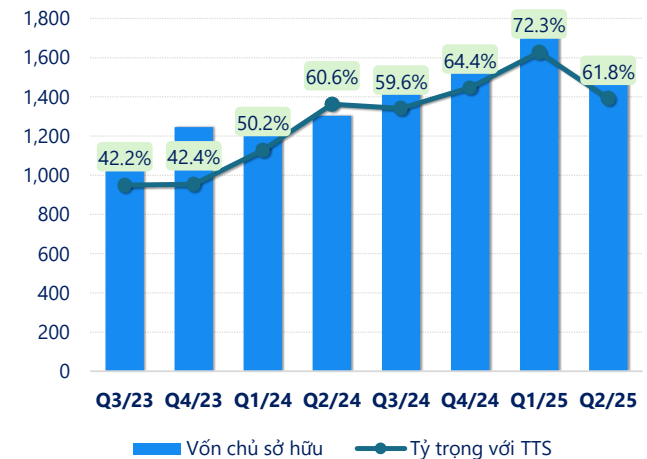
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

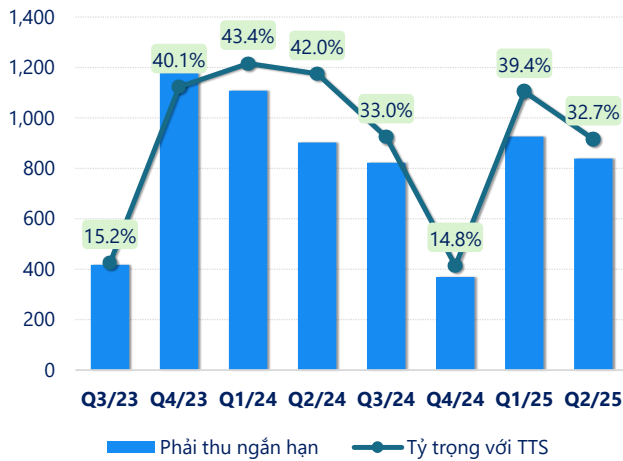
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



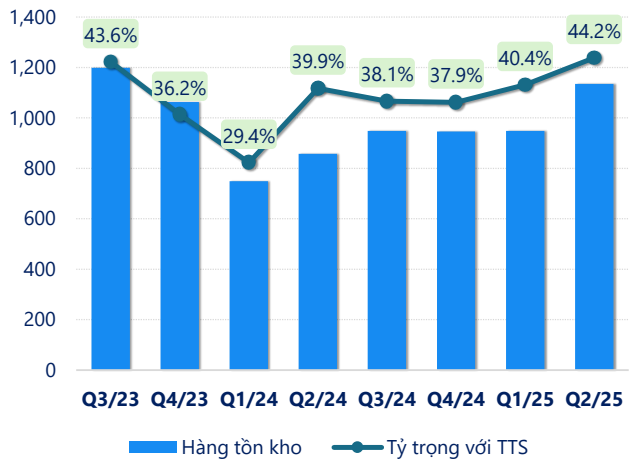
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


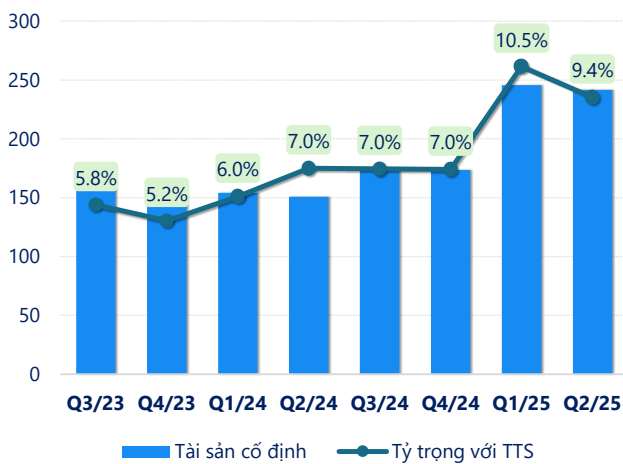
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


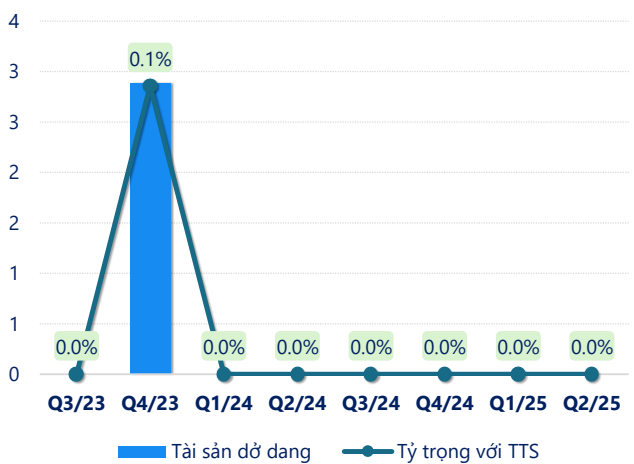
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

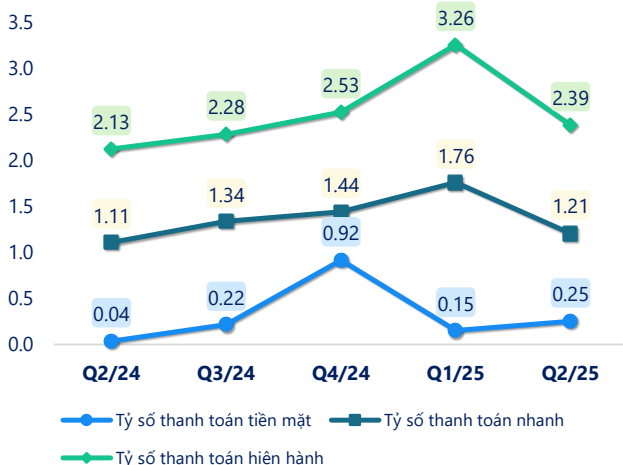
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

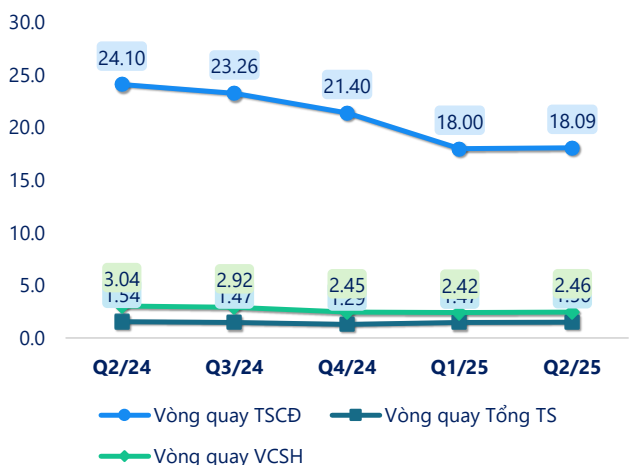
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	2,151	2,490	2,494	2,349	2,566
Tài sản ngắn hạn	1,795	2,290	2,207	2,065	2,299
Tiền và tương đương tiền	30.6	216	801	95.9	243
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.29	298	83.3	85.3	77.8
Phải thu ngắn hạn	903	822	369	926	839
Hàng tồn kho	858	949	946	949	1,135
Tài sản ngắn hạn khác	3.51	5.43	8.10	8.85	4.52
Tài sản dài hạn	356	200	288	283	267
Phải thu dài hạn	1.71	1.61	2.00	1.94	2.55
Tài sản cố định	151	174	174	246	241
Bất động sản đầu tư	14.5	14.3	14.1	13.9	13.7
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	180	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	9.59	10.1	22.2	21.9	8.88
Lợi thế thương mại	0	0	75.8	0	0
Nợ phải trả	848	1,006	889	650	980
Nợ ngắn hạn	845	1,003	874	634	964
Vay và nợ thuê ngắn hạn	142	11.0	172	101	103
Phải trả người bán ngắn hạn	110	232	121	59.4	408
Nợ dài hạn	3.46	3.46	15.5	16.2	16.2
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,303	1,484	1,605	1,698	1,586
Vốn chủ sở hữu	1,303	1,484	1,605	1,698	1,586
Vốn điều lệ	417	417	417	417	417
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)